

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 07/7/2023

*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
và cấp dưỡng*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần L, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp P, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Thạch Thị P, sinh năm 1992. Địa chỉ: khóm D, phường P, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2022 (BL01) biên bản ghi lời khai ngày 01/3/2023 (BL31) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần L trình bày: Vào năm 2009, anh Trần L có kết hôn với chị Thạch Thị P, có tổ chức đám cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 28/03/2016 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Những năm tháng đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến năm 2020 thì mất hạnh phúc do vợ chồng bất đồng ý kiến, nên thường xuyên cãi vã và kéo dài không thể khắc phục được, anh L và chị P tuy sống chung một nhà nhưng tình cảm không còn nữa.

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh L có 02 người con chung: Cháu Thạch Thị L (giới tính: nữ), sinh ngày 15/04/2010; cháu Trần Quốc A (giới tính:

nam), sinh ngày 15/01/2012. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành, nên anh Trần L có yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Thạch Thị P. Về con chung: Hiện nay cả hai cháu Thạch Thị L (giới tính: nữ), sinh ngày 15/04/2010; cháu Trần Quốc A (giới tính: nam), sinh ngày 15/01/2012 đang sống chung với vợ chồng anh L. Hai con đã lớn khôn, tùy theo nguyện vọng của 02 con. Nếu 02 con muốn sống với mẹ, anh L không phản đối và đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến tuổi trưởng thành. Nếu 02 con muốn sống với cha, anh L nhận nuôi 02 con và không yêu cầu chị Thạch Thị P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết .

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị P, nhưng chị P không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh L, đồng thời chị P cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận cho anh Trần L được ly hôn với chị Thạch Thị P; Về con chung giao cháu Thạch Thị L (giới tính: nữ), sinh ngày 15/04/2010; cháu Trần Quốc A (giới tính: nam), sinh ngày 15/01/2012 cho chị Thạch Thị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu L và Quốc A đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu L và cháu Quốc A nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau các cháu L, Quốc Anh có nguyện vọng được sống với mẹ. Ghi nhận sự tự nguyện của anh L đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu cho đến khi các cháu L, Quốc Anh đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Anh L khẳng định tự thỏa thuận phân chia, nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Anh L khẳng định không có, nên không đặt ra xem xét; Về án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho chị P, nhưng chị P vẫn vắng mặt không có lý do, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh L và chị P theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 17/6/2022 anh Trần L yêu cầu được ly hôn với chị Thạch Thị P có nơi cư trú tại khóm D, phường P, thị xã Vc, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần L, nhận thấy anh L và chị P tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2009 đến năm 2016 mới đi có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/3/2016. Quan hệ hôn nhân của anh L và chị P không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Anh L nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với chị P nên có nguyện vọng ly hôn. Anh L và chị P đã không còn chung sống với nhau khoảng từ đầu năm 2020 cho đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị P.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau anh L và chị P có 02 con chung tên Thạch Thị L (giới tính: nữ), sinh ngày 15/04/2010; Trần Quốc A (giới tính: nam), sinh ngày 15/01/2012 hiện đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng và ý kiến của cháu L và cháu Quốc A nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu L và cháu Quốc A có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu L và cháu Quốc A không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Thạch Thị L (giới tính: nữ), sinh ngày 15/04/2010; Trần Quốc A (giới tính: nam), sinh ngày 15/01/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu L và Quốc Anh đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh L, cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu cho đến khi các cháu L, Quốc A đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Anh L khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Anh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần L đối với bị đơn chị Thạch Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần L được ly hôn với chị Thạch Thị P.

- Về con chung: Giao cháu Thạch Thị L (giới tính: nữ), sinh ngày 15/04/2010; Trần Quốc A (giới tính: nam), sinh ngày 15/01/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu L và Quốc Anh đủ 18 tuổi.

Anh Trần L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Thạch Thị L (giới tính: nữ), sinh ngày 15/04/2010; Trần Quốc A (giới tính: nam), sinh ngày 15/01/2012 mỗi tháng 1.500.000 đồng/01 cháu (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi các cháu Thạch Thị L và Trần Quốc Anh đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án (07/7/2023). Địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Anh Trần L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu Quốc A của chị P thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Anh L khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh L khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Anh Trần L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên Li số 0006090, ngày 27/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy anh L phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Thạch Thị P không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Dương Chiêu Hùng**

